

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU
GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**

**ANNOUNCEMENT AFTER
EXCHANGE TRADING**

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/ State Securities Commission of Vietnam
To: Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Stock Exchange
Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ Authorized Participants/ Investors

- Tên quỹ ETF/ *ETF name:* Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT/ KIM GROWTH VNFINSELECT ETF
- Mã chứng khoán/ *Securities symbol:* FUEKIVFS
- Tên Công ty Quản lý quỹ:
Fund Management company: Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam/
KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.
- Tên Ngân hàng giám sát/
Supervisory Bank: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam/
Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange date:* 19/02/2025
- Đơn vị tính lô ETF/ *Unit:* 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/
1 lot of ETF = 100 000 ETF shares

Chúng tôi thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ We announce the creation basket as follow:

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Số lượng Volume	Tỷ lệ % trong danh mục Weight (%)
I. Chứng khoán/ Securities			
1	ACB	5,000	9.59%
2	AGR	100	0.13%
3	BIC	100	0.28%
4	BID	400	1.21%
5	BMI	100	0.16%
6	BSI	100	0.35%
7	BVH	100	0.43%
8	CTG	1,000	3.00%
9	CTS	100	0.26%
10	EIB	2,000	2.90%
11	EVF	1,000	0.81%
12	FTS	200	0.62%
13	HCM	500	1.10%
14	HDB	3,300	5.58%
15	LPB	3,500	9.54%
16	MBB	4,200	7.10%
17	MIG	100	0.14%
18	MSB	3,000	2.56%
19	OCB	1,700	1.47%
20	ORS	400	0.45%
21	SHB	4,000	3.26%
22	SSB	2,500	3.68%
23	SSI	1,800	3.37%
24	STB	2,400	6.91%
25	TCB	5,800	11.17%
26	TPB	1,700	2.14%
27	TVS	100	0.14%
28	VCB	800	5.46%
29	VCI	500	1.34%
30	VDS	100	0.14%
31	VIB	2,400	3.65%
32	VIX	1,800	1.47%
33	VND	1,500	1.47%
34	VPB	5,500	7.76%
	Tiền/ Cash (VND)	5,179,466	

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spread between a basket and 1 lot of ETF in value*

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ *Basket value*: (VND)

1,337,615,000

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF*: (VND)

1,342,794,466

- Giá trị chênh lệch/ *Spread in value*: (VND)

5,179,466

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ *Plan to reduce the spread*
- + Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:
- + Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*
 Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/ *In case stock can be replaced by cash:*

STT No.	Mã chứng khoán <i>Securities code</i>	Tiền thay thế tương ứng 1 CP/ <i>Cash Substitution per share (VND)</i>	Đối tượng áp dụng/ <i>Applied to</i>	Lý do/ <i>Reason</i>
1	ACB	25,750	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
2	BIC	37,400	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
3	BID	40,500	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
4	BSI	46,350	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch/ <i>Restriction on buying treasury share without registration</i>
5	BVH	57,300	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
6	TPB	16,900	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	TCB	25,850	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
8	MBB	22,700	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
9	HDB	22,700	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
10	VCB	91,600	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
11	VCI	35,900	VCSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch/ <i>Restriction on buying treasury share without registration</i>

- Các chỉ tiêu khác/ *Other criteria:*

Chi tiêu/ <i>Criteria</i>	Kỳ này/ <i>This period (*)</i>	Kỳ trước/ <i>Last period (**)</i>	Chênh lệch/ <i>Difference</i>
	19/02/2025	18/02/2025	
1. Số lô đã phát hành thêm/ <i>Creation units issued</i>			-
2. Số lô đã mua lại/ <i>Creation units redeemed</i>			-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ <i>Outstanding shares</i>	24,500,000	24,500,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ ccq)/ <i>Closing price</i>	13,550.00	13,550.00	-
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ <i>Net asset value at valuation date</i>			
của quỹ ETF/ <i>of the Fund</i>	328,984,644,206	328,497,335,732	487,308,474
của 1 lô CCQ ETF/ <i>per ETF creation unit</i>	1,342,794,466	1,340,805,451	1,989,015
của 1 CCQ/ <i>per Share</i>	13,427.94	13,408.05	19.89
6. Chỉ số tham chiếu/ <i>Tracking Index</i>	2,344.15	2,328.61	15.54

(*) Chi tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại
 (**) Chi tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại

18/02/2025
 17/02/2025

/ *Item 5 is net asset value at* 18/02/2025
 / *Item 5 is net asset value at* 17/02/2025

Đại diện có thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ
Authorised Representative of Fund Management Company



Hang Jin
 TỔNG GIÁM ĐỐC